

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ (EMDP)
TỈNH HÀ TĨNH**

Đơn vị thực hiện: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh

Hà Tĩnh, tháng 6 năm 2025

Nội dung

1. Bối cảnh và Giới thiệu	5
2. Khung pháp lý	7
3. Quy trình EMDP	8
4. Hồ sơ kinh tế xã hội	9
5. Tác động xã hội	16
6. Công bố thông tin	19
7. Cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại	20
8. Sắp xếp thể chế	21
9. Nâng cao hiệu quả phát triển	24
10. Giám sát và đánh giá	26
11. Ngân sách	28
11. Kết luận	29

Bảng

Bảng 1 Các tác động xã hội tích cực và tiêu cực	17
Bảng 2 Sắp xếp thể chế thực hiện BSP và EMDP tại Hà Tĩnh	24
Bảng 3 Tóm tắt các hoạt động đề xuất	27
Bảng 4 Hiệu quả phát triển do EMDP tạo ra	27
Bảng 5 Hoạt động giám sát và đánh giá EMDP	30
Bảng 6 Dự toán chi phí thực hiện Kế hoạch EMDP hàng năm	31

Từ viết tắt và chữ viết tắt

PDOJ	Sở Tư pháp
BSP	Kế hoạch chia sẻ lợi ích
CEMA	Ủy ban Dân tộc
CF	Quỹ Carbon
CFM	Quản lý rừng cộng đồng
CGRC	Ban giải quyết khiếu nại cấp xã
CPC	UBND xã
CSO	Tổ chức xã hội dân sự
DAE	Sở Nông nghiệp và Môi trường (tỉnh) trước đây là Sở Nông nghiệp và PTNT
DDOJ	Phòng Tư pháp huyện
DGRC	Ban giải quyết khiếu nại cấp huyện
DFFP	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm
DPC	UBND huyện
E & S	An toàn môi trường và xã hội
EM	Dân tộc thiểu số/người bản địa
EMDP	Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số
EMPF	Khung chính sách dân tộc thiểu số
ER	Giảm phát thải
ER-P	Chương trình Giảm phát thải (khu vực)
ER-PD	Tài liệu Chương trình Giảm phát thải
ERPA	Thỏa thuận chi trả giảm phát thải
ESMF	Khung quản lý môi trường và xã hội
FCPF	Quỹ Đối tác Carbon rừng
FGD	Thảo luận nhóm tập trung
FGRM	Cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại
FMB	Ban quản lý rừng (bao gồm SUFMB, PFMB và SFC)
FPD	Cục Kiểm lâm

FPIC	Tham vấn tự nguyện, trước và có đầy đủ thông tin
GOV	Chính phủ Việt Nam
GRM	Cơ chế giải quyết khiếu nại
GSO	Tổng cục Thống kê
HH	Hộ gia đình
MAE	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
NCR	Vùng Bắc Trung Bộ
NTFP	Lâm sản ngoài gỗ
PFDFP	Quỹ Phát triển và Bảo vệ rừng cấp tỉnh (Quỹ tỉnh)
PFMB	Ban quản lý rừng phòng hộ
PPC	UBND tỉnh
RP	Kế hoạch tái định cư
RPF	Khung chính sách tái định cư
SESA	Đánh giá môi trường và xã hội chiến lược
SFC	Công ty lâm nghiệp nhà nước
SFM	Quản lý rừng bền vững
SUFMB	Ban quản lý rừng đặc dụng
VGRC	Ban giải quyết khiếu nại cấp thôn
VNFF	Quỹ Bảo vệ và Phát triển Rừng Việt Nam
VWU	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
WB	Ngân hàng Thế giới

1. Bối cảnh và Giới thiệu

1.1 Giới thiệu về Chương trình Giảm phát thải (ERPA) và EMDP

Thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) được ký kết vào ngày 22/10/2020 giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) và Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế (IBRD) thuộc nhóm Ngân hàng Thế giới (WB) với tư cách là Bên được ủy thác của Quỹ Đối tác Carbon Rừng (FCPF) nhằm chuyển nhượng 10,3 triệu tấn CO₂ ở vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn 2028-2024, với đơn giá 5 USD/tấn CO₂ tương đương 51,5 triệu USD; khoảng 95% kết quả chuyển nhượng sẽ chuyển giao lại cho Việt Nam để đóng góp vào cam kết quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính (NDC).

1.2 Sự cần thiết của Kế hoạch Phát triển Dân tộc thiểu số (EMDP)

Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) trong khuôn khổ Thỏa thuận chi trả giảm phát thải (GPT) được chuẩn bị bởi Quỹ Bảo vệ và Phát triển Rừng tỉnh Hà Tĩnh (Quỹ tỉnh), trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, và kết nối với Chương trình Giảm phát thải (ER-P) cho Khu vực Bắc Trung Bộ (NCR) với sự tham gia của năm tỉnh khác. Mục đích cụ thể của Biểu mẫu EMDP ngắn gọn này là nhằm hỗ trợ cán bộ đầu mối về bảo đảm an toàn (BĐAT) của Quỹ tỉnh và giúp Quỹ tỉnh xây dựng được kế hoạch thực hiện khả thi nhằm triển khai các hoạt động ở cấp thôn làng và cộng đồng có người dân tộc thiểu số (DTTS) sinh sống.

Chương trình Giảm phát thải (GPT) có bốn hợp phần như sau: 1) Tăng cường quản trị rừng và thực thi pháp luật; 2) Quản lý rừng và quản lý trữ lượng carbon; 3) Thúc đẩy nông nghiệp thông minh về khí hậu và sinh kế bền vững cho những người phụ thuộc vào rừng; và 4) Quản lý chương trình và giám sát phát thải. Chương trình GPT yêu cầu xây dựng Kế hoạch Chia sẻ Lợi ích (BSP) để hỗ trợ và thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương 1, điều này đã được thể chế hóa thông qua **Nghị định 107/2022/NĐ-CP, ngày 28/12/2022**, các khía cạnh chính của Nghị định liên quan đến việc thực hiện BSP bao gồm:

Điều 6. Các nội dung được chi trả

1. Hỗ trợ các hoạt động lâm nghiệp để giảm phát thải khí nhà kính, gồm:

a) Rà soát, xây dựng, bổ sung hoàn thiện các hướng dẫn cơ chế, chính sách về GPT khí nhà kính trong lâm nghiệp;

b) Rà soát, theo dõi, đánh giá biến động trữ lượng các-bon rừng; kiểm tra việc chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác; tổ chức triển khai các giải pháp về quản lý rừng bền vững;

c) Tăng cường thực thi pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;

¹ Theo Khung Phương pháp của FCPF, BSP là một yêu cầu bắt buộc, theo Mục 5.2 "... BSP sẽ quy định chi tiết về các thỏa thuận chia sẻ lợi ích đối với các lợi ích tiền tệ và phi tiền tệ, v.v.

- d) Nâng cao năng lực cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoạt động quản lý, bảo vệ rừng.
2. Hoạt động đóng góp trực tiếp cho GPT khí nhà kính, gồm:
- a) Bảo vệ rừng tự nhiên;
- b) Can thiệp lâm sinh theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.
3. Hoạt động hỗ trợ phát triển sinh kế, gồm:
- a) Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm cung ứng giống cây trồng, giống vật nuôi; quản lý lập địa và phát triển kinh tế rừng trồng; mua sắm thiết bị chế biến nông lâm sản; tham quan học tập xây dựng các mô hình trình diễn về phát triển sinh kế gắn với bảo vệ và phát triển rừng;
- b) Hỗ trợ các công trình công cộng của cộng đồng dân cư như công trình nước sạch, điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, đường giao thông thôn bản, nhà văn hóa và các công trình khác, được cộng đồng tham gia quản lý rừng thống nhất đề xuất;
- c) Hỗ trợ các hoạt động tuyên truyền, tập huấn kỹ thuật, xây dựng các hương ước, quy chế, cam kết thực thi pháp luật.
4. Hoạt động quản lý, gồm:
- a) Quản lý và điều phối nguồn thu;
- b) Hoạt động kiểm tra, giám sát đánh giá;
- c) Đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả GPT;
- d) Truyền thông, tuyên truyền;
- đ) Hoạt động giải quyết thắc mắc, khiếu nại và phản hồi.

Mối liên hệ với EMDP: Hợp phần 1) gồm hoạt động phổ biến thông tin về chuyển đổi rừng tự nhiên có liên quan đến các nhóm DTTS thuộc các cộng đồng mục tiêu của các thôn trên tổng số 30 xã các huyện thuộc Dự án đều có xuất hiện người DTTS ở các mức độ khác nhau. Người DTTS xuất hiện trong vùng dự án tập trung tại các huyện như Hương Khê và Hương Sơn. Trên địa bàn 30 xã thuộc Dự án thành phần tỉnh Hà Tĩnh có 02 nhóm dân tộc thiểu số chính cùng sinh sống, bao gồm: Mán, Chứt. Điều này đáp ứng yêu cầu của OP/BP4.10 của NHTG liên quan đến tham vấn tự nguyện, trước, và có đầy đủ thông tin (FPIC) đối với các nhóm DTTS.

Hợp phần khác có liên quan trực tiếp đến nay là Hợp phần 3. Quỹ tỉnh đã thực hiện đánh giá về nhân lực và tài chính và lắng nghe các ưu tiên của từng nhóm DTTS. Báo cáo cho thấy có sự hỗ trợ về cải tiến giống cây trồng để tăng cường an ninh lương thực và tạo ra thặng dư có thể đổi lấy hàng hóa và các dịch vụ khác, cải tiến giống vật nuôi, hệ thống thông tin và các công trình cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ trong các cộng đồng dân cư.

Quỹ tỉnh hiểu rõ nguyên tắc FPIC nên áp dụng cho tất cả các hoạt động liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến Chương trình GPT/ Kế hoạch chia sẻ lợi ích (BSP) và Nghị định 107 nếu có ảnh hưởng đến các nhóm DTTS tại Tỉnh. Quỹ tỉnh cũng hiểu tầm quan trọng của việc nhận thức được

các tác động của giới và nghèo đói, cả tích cực và tiêu cực của Chương trình GPT đối với các nhóm dân tộc thiểu số này².

Việc xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) tại Hà Tĩnh chú trọng đến việc tạo môi trường thuận lợi để trao quyền cho người dân, tăng cường sự tham gia của họ vào quá trình ra quyết định và phối hợp chặt chẽ với chính quyền cấp xã, huyện. Qua đó, góp phần hình thành mô hình phát triển bền vững, xuất phát từ nhu cầu và thể mạnh của cộng đồng địa phương.

2. Khung pháp lý

Các luật, nghị quyết và chính sách sau đây có liên quan đến Kế hoạch EMDP, tính đến tháng 12/2024, gồm:

- **Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi) năm 2014** công nhận quyền của các dân tộc thiểu số theo Điều 5 và Điều 75 được sử dụng ngôn ngữ của mình, giữ gìn bản sắc dân tộc và nuôi dưỡng phong tục, truyền thống và văn hóa của họ.
- **Ủy ban Dân tộc, 2004, (Quyết định 185/2004/QĐ-TTg)** Ủy ban có trách nhiệm thực hiện các chính sách và chương trình liên quan đến DTTS và thực thi để đảm bảo rằng các nhóm DTTS này được bao gồm trong các nỗ lực phát triển đất nước và quyền của họ được tôn trọng.
- **Luật Đất đai, 2014, (số 45/2013/QH13)** quy định về quản lý và sử dụng đất đai ở Việt Nam nhằm đảm bảo quyền sử dụng đất đai của cộng đồng DTTS được công nhận và bảo vệ. Điều này bao gồm việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cả phụ nữ và nam giới và được thừa kế quyền sử dụng đất qua các thế hệ.
- **Công nhận quyền sử dụng đất theo phong tục, giao đất và cho thuê đất, 2013, (Số 45/2013/QH13)** bao gồm đất ở và đất nông nghiệp, và đất sản xuất phi nông nghiệp. Cung cấp hỗ trợ cho các hộ nghèo và cận nghèo để đảm bảo tiếp cận đất đai cho các mục đích trên và tham gia vào các quá trình quản lý đất đai.
- **Luật Lâm nghiệp, 2017 (Số 16/2017/QH14)** quy định về quản lý và bảo vệ rừng ở Việt Nam, có các quy định về sự tham gia của cộng đồng địa phương, gồm cả người DTTS trong các nỗ lực quản lý và bảo tồn rừng. Cụ thể: 1) công nhận "rừng tín ngưỡng" gắn với tín ngưỡng, tập quán, thông lệ của cộng đồng rừng để bảo vệ các giá trị văn hóa, tinh thần; 2) tầm quan trọng của việc thu hút người DTTS tham gia vào các hoạt động quản lý và bảo vệ rừng; 3) Giao đất, quyền sử dụng đất rừng được giao và cho thuê của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân người DTTS, 4) đảm bảo quyền sử dụng và hưởng lợi hợp pháp từ tài nguyên rừng.
- **Kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, 2019, (số 88/2019/QH14)** thống nhất các chính sách và sáng kiến cụ thể bao gồm Chương trình 134, 135 giai đoạn 1 và 2 và Chương trình 30a) nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào

² FPIC là một nguyên tắc quan trọng được đưa vào OP/BP4.10 và được kích hoạt khi một nhóm DTTS tự nhận mình như vậy, có sự gắn bó tập thể với các địa phương cụ thể, thiết lập các thể chế khác với các thể chế của nhà nước, sở hữu ngôn ngữ khác với ngôn ngữ chính thức. Ý nghĩa của FPIC ở Việt Nam trong thực tế là việc tham vấn để người dân tham gia vào một dự án là cần thiết, nhưng không phải mọi thành viên trong cộng đồng đều cần phải đồng ý tham gia trước khi dự án, hoặc một hành động liên quan đến, được thực hiện như một phần của dự án được triển khai. Điều quan trọng và Quý tỉnh Hà Tĩnh cần hiểu rõ là kết quả của việc sử dụng phương pháp tiếp cận FPIC phải được ghi chép đầy đủ.

DTTS, chủ yếu sinh sống ở miền núi khác với dân tộc Kinh. Kế hoạch gồm các biện pháp khuyến khích đồng bào DTTS tham gia vào các quá trình ra quyết định ảnh hưởng đến họ và nhằm bảo vệ quyền lợi của họ.

- **Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, (Quyết định 1719/QĐ-TTg-2021)** nhằm giảm nghèo, nâng cao mức sống cho đồng bào DTTS và liên quan đến mở rộng quyền sử dụng đất, phát triển cơ sở hạ tầng và bảo vệ môi trường.

- **Thí điểm chuyển giao kết quả GPT khí nhà kính và quản lý tài chính của Chương trình ERPA, 2022 (Nghị định số 107/2022/NĐ-CP)** liên quan đến việc sử dụng các tài liệu hướng dẫn về GPT KNK đối với các đối tượng liên quan, định mức chi phí và các nội dung được chi trả để tăng cường GPT, các hoạt động góp phần trực tiếp vào GPT, phát triển sinh kế và các hoạt động quản lý.

- **Chính sách hoạt động của Ngân hàng Thế giới về DTTS (OP 4.10)** nhằm tránh các tác động bất lợi có thể xảy ra đối với người DTTS và tăng cường sự tham gia của họ vào các dự án phát triển thông qua xem xét các yêu cầu và nhu cầu văn hóa của họ. Chính sách trên, được đề cập trong tài liệu mẫu này, đảm bảo rằng các DTTS được thông báo đầy đủ về quyền của họ và được tự do tham gia vào các hoạt động. Chính sách quy định rằng người DTTS không nên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi quá trình phát triển và phải nhận được các lợi ích kinh tế xã hội phù hợp về mặt văn hóa. Các biện pháp giảm thiểu sẽ được xác định nếu cần, đảm bảo rằng quá trình phát triển mang lại lợi ích đáng kể cho các cộng đồng này. Cũng cần lưu ý rằng **OP/BP 4.10** cùng với các biện pháp bảo vệ môi trường và xã hội khác của NHTG cũng được kích hoạt nhưng những biện pháp này không khó tuân thủ dựa trên các hoạt động dự án đã được lên kế hoạch trong tài liệu EMDP này³.

3. Quy trình EMDP

Trong quá trình chuẩn bị Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số (EMDP) tỉnh Hà Tĩnh, nhóm thực hiện đã tiến hành rà soát, tổng hợp các tài liệu nghiên cứu liên quan đến các nhóm dân tộc thiểu số tại Việt Nam nói chung và Hà Tĩnh nói riêng. Các tài liệu này bao gồm báo cáo định lượng và định tính trong khoảng 10 năm trở lại đây, bao gồm cả các báo cáo chính thức của Chính phủ và các nghiên cứu độc lập từ các chương trình, dự án phát triển do các tổ chức trong nước và quốc tế tài trợ. Bên cạnh đó, dữ liệu thống kê ở cấp quốc gia, vùng, tỉnh và huyện cũng được sử dụng để đảm bảo cách tiếp cận dựa trên bằng chứng, đồng thời tăng cường tính tin cậy và tính thực tiễn của tài liệu EMDP khi đưa ra các khuyến nghị chính sách.

Các cuộc điều tra thực địa được thực hiện tại hai xã tiêu biểu thuộc các huyện vùng cao của tỉnh Hà Tĩnh: xã Hương Liên thuộc huyện Hương Khê, xã Sơn Kim 1 thuộc Huyện Hương Sơn. Các

³ Kế hoạch phát triển DTTS (EMDP) là một phần của gói các công cụ bảo đảm an toàn hỗ trợ Khung QL Môi trường và Xã hội (ESMF), các công cụ khác gồm Khung chính sách DTTS (EMPF), Khung chính sách Tái định cư (RPF), Khung quy trình (PF) và Kế hoạch tái định cư (RP).

⁶ Các cuộc tham vấn này được tổ chức nhằm hỗ trợ xây dựng EMDP nhưng phản hồi định lượng và định tính của các bên liên quan được tham vấn đều không được cung cấp mặc dù có sự đồng thuận là tất cả các bên liên quan đều đồng ý tham gia vào

xã này được lựa chọn dựa trên các tiêu chí sau: 1) có 02 dân tộc thiểu số có khả năng tham gia vào Chương trình GPT; 2) mang tính đại diện cho khu vực đại lý thực hiện Chương trình GPT; và 3) có tỷ lệ nghèo lớn trên địa bàn tỉnh.

Các thảo luận được tổ chức linh hoạt, gồm cả thảo luận hỗn hợp và riêng biệt theo giới tính và mức độ dễ bị tổn thương cũng như cho những đối tượng nghèo hơn đặc biệt là những người sống trong nghèo đói, có khiếm khuyết về thể chất và người cao tuổi. Nội dung xoay quanh các vấn đề: (i) Tác động của các hoạt động dự án đến sinh kế và cuộc sống của người dân; (ii) Mức độ tham gia và khả năng đóng góp của cộng đồng vào các quyết định địa phương; (iii) Mong muốn cải thiện sinh kế bền vững, nhất là sinh kế dựa vào rừng và tài nguyên bản địa. Cách tiếp cận định tính này được bổ sung bởi các cuộc phỏng vấn người cung cấp thông tin chính, trong đó mục đích của các cuộc phỏng vấn là để có được kiến thức chuyên sâu về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị để tìm ra cách tiếp cận có sự tham gia đồng thời mang lại hiệu quả giúp thực hiện Dự án thành công.

Một bảng câu hỏi khảo sát đã được thiết kế nhằm thu thập thông tin từ mẫu ngẫu nhiên các hộ gia đình dân tộc thiểu số (DTTS) tại các xã được lựa chọn ở Hà Tĩnh. Cụ thể hơn là một số hộ gia đình dân tộc Mán tại xã Sơn Kim 1 (bao gồm cả 01 hộ gia đình là dân tộc Mán được nhận kinh phí ERPA) và một số hộ dân tộc Chứt tại xã Hương Liên, họ không trực tiếp nhận kinh phí ERPA do không phải là đối tượng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng hay có các hoạt động nằm trong thỏa thuận ERPA. 02 loại đối tượng DTTS được khảo sát giúp cho việc lấy thông tin về đồng bào dân tộc thiểu số được đầy đủ hơn.

Mục tiêu chính của cuộc khảo sát là nhằm hiểu rõ hơn một cách định lượng về tình hình kinh tế - xã hội của các hộ DTTS, đặc biệt là các yếu tố liên quan đến sinh kế dựa vào rừng và tài nguyên bản địa – vốn đóng vai trò thiết yếu trong đời sống của đồng bào vùng cao. Giá trị của các cuộc khảo sát này nằm ở chỗ có thể đối chiếu với dữ liệu của các cuộc điều tra thống kê kinh tế - xã hội hằng năm do tỉnh Hà Tĩnh thực hiện, từ đó tạo cơ sở dữ liệu đối sánh đa chiều, nâng cao tính chính xác và thực tiễn khi xây dựng nội dung EMDP. Ngoài ra, một số cuộc phỏng vấn chuyên sâu cũng được tiến hành với cán bộ xã, thôn và lực lượng kiểm lâm địa bàn. Những đối tượng này thường có cái nhìn bao quát hơn về diễn biến sinh kế lâm nghiệp, các khó khăn trong quản lý tài nguyên, cũng như các chính sách hỗ trợ người dân tại địa phương. Tuy nhiên, điều này không làm giảm vai trò của hiểu biết cộng đồng – vì chính người dân là những người gắn bó lâu dài với rừng, có tri thức bản địa phong phú và đã tích lũy kinh nghiệm trong nhiều thế hệ. Do đó, tài liệu EMDP cho tỉnh Hà Tĩnh được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa dữ liệu định lượng, phân tích chính sách và tri thức cộng đồng, bảo đảm cách tiếp cận hài hòa giữa khoa học và thực tiễn địa phương.

4. Hồ sơ kinh tế xã hội

Hồ sơ kinh tế - xã hội của các nhóm DTTS (Mán, Chứt, Lào) có liên quan đến Chương trình GPT ở tỉnh Hà Tĩnh đã được chuẩn bị dưới đây. Hồ sơ này có thể không phải là một bức tranh hoàn chỉnh, ít nhất là vì nó chưa phân tách số liệu về giới như mong muốn, nhưng nó dựa trên dữ liệu cập nhật mới nhất.

4.1. Các chỉ số kinh tế - xã hội liên quan đến các nhóm DTTS⁴

Địa bàn các xã có dân tộc thiểu số chính sinh sống của tỉnh Hà Tĩnh có diện tích tự nhiên 274,24 ha, chiếm 4,57% tổng diện tích toàn tỉnh. Khu vực này có dân số khoảng 8.221 người, tương đương 0,51% dân số toàn tỉnh. Trong số này, đồng bào dân tộc thiểu số chính là Mán, Chứt (DTTS) chiếm 665 người, tương đương 0,04% dân số toàn tỉnh và chiếm 0,28% dân số toàn khu vực miền núi. Miền núi Hà Tĩnh hiện có 02 dân tộc thiểu số chính có liên quan đến GPT, gồm: Mán, Chứt bên cạnh một số người có nguồn gốc sâu xa là dân tộc khác như: Lào, Tày... tuy nhiên hiện nay đã nhập cư và sinh sống cùng với người kinh, chiếm tỷ trọng rất thấp. Trong đó, dân tộc Mán chiếm tỷ lệ lớn nhất trong cơ cấu dân số miền núi. Chi tiết như sau:

Phân bố dân tộc thiểu số chính tại miền núi Hà Tĩnh

STT	Dân tộc	Dân số (người)	Tỷ lệ so với dân số miền núi (%)
1	Mán	455	0,19
2	Chứt	210	0,09
3	Lào	227	0,10
	Tổng	665	0,38

Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo của các huyện, thị xã, thành phố tại tỉnh Hà Tĩnh cho thấy sự chênh lệch rõ rệt về tỷ lệ nghèo giữa các địa phương. Thống kê số liệu đến cuối năm 2024, **Hộ nghèo**: 9.236 hộ, chiếm **2,40 %** tổng số hộ dân cư (19.109 nhân khẩu; **Hộ cận nghèo**: 11.736 hộ, chiếm **3,04 %** tổng số hộ dân cư (34.921 nhân khẩu).

Nổi bật là huyện Kỳ Anh, với tỷ lệ hộ nghèo lên tới 6,17% so với dân số của huyện(2.194 hộ với 3.469 nhân khẩu) – mức cao nhất trong tỉnh – cho thấy đây là địa phương còn nhiều khó khăn về kinh tế. Tương tự, các huyện như Hương Khê (2,82%, 874 hộ nghèo) và Hương Sơn (2,77%,970 hộ nghèo) cũng có tỷ lệ hộ nghèo so với dân số trên địa bàn lớn trên địa bàn tỉnh, phản ánh tình trạng thiếu thốn cơ hội phát triển ở các khu vực miền núi hoặc vùng sâu, vùng xa.

Từ số liệu trên, có thể nhận thấy một bức tranh tương đối rõ ràng: các huyện miền núi, xa trung tâm như Hương Khê, Kỳ Anh, Hương Sơn có tỷ lệ nghèo và cận nghèo cao nhất. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cấp thiết về chính sách hỗ trợ vùng sâu vùng xa, tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, giáo dục và y tế để thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các địa phương.

+ **Dân tộc Mán:**

“Mán” là cách gọi cổ trong tài liệu, hiện đồng nhất với dân tộc Dao, thuộc ngữ hệ H'Mông–Dao.

Chương trình GPT. Một tư vấn độc lập về MT & XH đã thực hiện các cuộc tham vấn này, với sự hỗ trợ của Quỹ tỉnh và Chi cục Kiểm lâm. Các cán bộ của Quỹ tỉnh và Chi cục Kiểm lâm cũng được tham vấn.

⁷ Nguồn chính là cơ sở dữ liệu định lượng về kinh tế - xã hội do Tổng cục Thống kê của Chính phủ xây dựng hàng năm.

Người Mán nhập cư vào Hương Sơn từ nhiều thế hệ, hòa mình vào hệ sinh thái miền núi qua nông nghiệp, săn bắn, hái lượm hệ rừng, khai hoang tạo lập bản mường—hình thức gắn chặt với đời sống bản địa từ thời mở cõi như nhiều dòng họ khác trong khu vực.

Xã Sơn Kim 1 là nơi tập trung cộng đồng Mán lâu đời, điển hình như thôn Hà Trai—còn lưu dấu nét văn hóa truyền thống gốc, từ vườn rừng, phong tục, đến nghề thủ công.

Tại đây, người Mán hòa nhập trong cộng đồng đa sắc tộc, nhưng vẫn duy trì lễ hội, trang phục, ngôn ngữ riêng.

Vùng đất Hương Sơn nổi bật văn hóa đa dân tộc: từ người Kinh, người Công giáo, đến người Mán với truyền thống nông – lâm nghiệp, nuôi hươu, làm nghề thủ công, tổ chức lễ hội như tại di tích Hải Thượng Lãn Ông.

Cộng đồng Mán đã đóng góp vào phát triển kinh tế – xã hội địa phương, cùng tham gia lao động xây dựng nông thôn mới, giữ gìn bản sắc dân tộc trong bức tranh đa văn hóa Hương Sơn.

+ Dân tộc Chứt:

Trước năm 1958, người Chứt sống du canh du cư, lang thang trong rừng, ở hang động quanh vùng biên giới, sống nhờ săn bắt thú rừng, hái lượm.

Năm 1959–1960, Biên phòng Hà Tĩnh phát hiện, đưa một nhóm người Chứt định cư ban đầu tại bản Giăng II, xã Hương Vĩnh; năm 1976 họ được đưa về bản Rào Tre, Hương Liên để ổn định cuộc sống.

Năm 1991, biên phòng tiếp tục đưa một nhóm khác từ hang động vào định cư ở Rào Tre. Từ đó, cộng đồng Chứt chuyển sang đời sống nông nghiệp, dân cư ổn định.

Từ đầu những năm 2000, chính quyền và Biên phòng vào cuộc, xây dựng các nhà kiên cố, cấp đất sản xuất, hỗ trợ vốn sinh kế (vốn cây ăn quả, chăn nuôi gà, vịt...)

Dân tộc Chứt ở Hương Liên (bản Rào Tre) đã có một hành trình từ du canh du cư đến định cư, chuyển đổi nền kinh tế. Chính quyền và biên phòng đóng vai trò tích cực trong ổn định cuộc sống và bảo tồn văn hóa. Các lễ hội như Lấp Lỗ, Chấm Cha Bới vẫn duy trì. Dù đối mặt với nhiều thách thức như mai một văn hóa, kết hôn cận huyết, nhưng nhờ các chính sách, hoạt động hỗ trợ, người Chứt tiếp tục giữ gìn bản sắc và hòa nhập phát triển.

Đồng bào dân tộc Chứt, sinh sống tại bản Rào Tre, xã Hương Liên đời sống đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, đang lạc hậu, cuộc sống, thu nhập chủ yếu dựa vào rừng và chính sách hỗ trợ của Nhà nước là chính.

4.2.Đặc điểm DTTS đối với phát triển kinh tế

+ Quan điểm truyền thống và hiện đại của người Kinh về các nhóm DTTS này

Tại tỉnh Hà Tĩnh, các nhóm dân tộc thiểu số (DTTS) – chủ yếu là người Mán, Chứt,... vẫn phụ thuộc phần lớn vào canh tác tự cung tự cấp để duy trì sinh kế như Trồng lúa nước, lúa nương, ngô, sắn (mì), khoai, Làm vườn nhỏ trồng rau, đu đủ, chuối, gừng, Chăn nuôi nhỏ lẻ: lợn, gà, vịt – phục vụ sinh hoạt gia đình là chính. Thanh niên Chứt hiện nay có xu hướng làm thuê tại địa phương

hoặc sang Lào, theo các đội khai thác rừng, nông nghiệp thời vụ. Một số hộ có người đi lao động xa ở các tỉnh phía Nam hoặc các khu công nghiệp. Dù đã định cư, một số người Chứt vẫn hái lượm lâm sản phụ (măng, củi, mật ong rừng...) để cải thiện thu nhập. Các nhóm DTTS ở Hà Tĩnh có truyền thống tôn trọng người Kinh, đồng thời luôn thận trọng trong việc gìn giữ các giá trị cốt lõi, tín ngưỡng và chuẩn mực văn hóa của riêng mình. Họ đặc biệt coi trọng nghi lễ cộng đồng, tiếng nói dân tộc, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và các phong tục gắn với vòng đời. Trong những năm gần đây, nhờ các chính sách dân tộc và chương trình phát triển vùng cao của Chính phủ, đặc biệt là mở rộng tiếp cận giáo dục, y tế và hạ tầng, điều kiện sống của người DTTS ở Hà Tĩnh đã có những cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, vẫn còn một số biểu hiện thiên vị và định kiến xã hội từ các nhóm dân cư vùng thấp đối với người vùng cao, nhất là trong tiếp cận dịch vụ công hoặc cơ hội việc làm. Dù vậy, những định kiến này đang dần suy giảm, nhất là khi xã hội tiến tới hòa nhập nhanh hơn trong thời đại số. Trong bối cảnh phát triển công nghệ mạnh mẽ, sự lan tỏa của điện thoại thông minh và mạng xã hội đã mang lại một số mức độ đồng nhất về văn hóa, đặc biệt trong giới trẻ DTTS. Tuy nhiên, cả chính quyền địa phương và các tổ chức hỗ trợ phát triển đều đang khuyến khích các cộng đồng DTTS bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống – những yếu tố mà họ xem là cốt lõi và thiêng liêng trong bản sắc tộc người.

+ *Các hệ thống văn hóa, tín ngưỡng truyền thống và tác động đến Hệ thống sinh kế dựa vào rừng vẫn còn phù hợp cho đến ngày nay.*

Hệ thống tín ngưỡng truyền thống của các nhóm dân tộc thiểu số (DTTS) ở Hà Tĩnh vẫn giữ vai trò quan trọng và tiếp tục tác động sâu sắc đến hệ thống sinh kế dựa vào rừng cho đến ngày nay. Tất cả các nhóm DTTS chủ yếu trong tỉnh – bao gồm người Mán, Chứt – đều duy trì những hệ thống tín ngưỡng bản địa gắn chặt với rừng và tài nguyên thiên nhiên. Những tín ngưỡng này chi phối cách người dân khai thác rừng – luôn gắn liền với sự tôn trọng, cẩn trọng và ý thức gìn giữ. Những thực hành này không chỉ mang giá trị văn hóa mà còn là một cơ chế tự nhiên để quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên rừng – phù hợp với mục tiêu của các chương trình phát triển hiện đại.

Hoạt động văn hóa, lễ hội, tín ngưỡng, tôn giáo ở đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện đa dạng; các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm hỗ trợ. Nhìn chung các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng, lễ hội cơ bản chấp hành quy định của pháp luật. Việc tổ chức các nghi lễ, lễ hội văn hóa dân gian theo nghi thức, tập tục truyền thống đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu đời sống văn hóa tinh thần, tâm linh, tín ngưỡng của bà con dân tộc; từ đó, góp phần giữ gìn phong tục tập quán và bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc; nội dung các hoạt động lành mạnh, tiết kiệm, đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương.

Ở bản Rào Tre xã Hương Liên, bản Giàng II xã Hương Vĩnh; hiện nay, UBND huyện đang từng bước củng cố, duy trì và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Chứt, như: phối hợp tổ chức Lễ tết Láp Lỗ, Lễ tết Chấm Cha bới tại bản Rào Tre, xã Hương Liên.

Lễ tết Chaleng tại bản Giàng II, xã Hương Vĩnh; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, như: Mua sắm các dụng cụ, đạo cụ, trang phục truyền thống cho bà con dân tộc; tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao với bà con dân tộc Chứt tại bản Kè, xã Lâm Hóa và bản Cà Xen, xã Thanh Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình; đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa được quan tâm, nhằm đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của bà con dân tộc Chứt; đến nay, 02/02 bản dân tộc đã có Nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng khang trang, được trang bị đầy đủ

hệ thống âm thanh, ánh sáng, bàn ghế, tủ sách, ...có dụng cụ luyện tập thể dục, thể thao; đến nay, tại bản dân tộc đã thành lập và duy trì sinh hoạt câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, góp phần bảo tồn, phát huy các loại hình văn hóa phi vật thể của đồng bào dân tộc Chứt. Tỷ lệ xã vùng đồng bào DTTS và miền núi đạt chuẩn văn hóa; có nhà văn hóa đạt chuẩn quốc gia: 100% tỷ lệ; thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng: 100%; 100% thôn đã được lắp đặt cụm loa truyền thanh.

- Các hủ tục lạc hậu, tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống từng bước được xóa bỏ, thông qua việc tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin, kiến thức pháp luật về hôn nhân và gia đình; thực hiện đăng ký kết hôn, đăng ký khai sinh theo đúng quy định.

- Chất lượng giáo dục, văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tiến bộ, 100% con em đồng bào dân tộc đến trường đúng độ tuổi, không có học sinh dân tộc thiểu số bỏ học; công tác chăm sóc sức khỏe cơ bản đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ban đầu cho nhân dân nói chung và cho đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng, đến nay đội ngũ cán bộ, nhân viên trạm y tế đã có 01 bác sỹ, 03 y sỹ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng và 01 dược sỹ; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 13%; hàng năm đồng bào là dân tộc thiểu số được hỗ trợ 70% kinh phí đóng BHYT; riêng đối với đồng bào dân tộc Chứt được hỗ trợ 100%.

+ *Vai trò của phụ nữ trong nền kinh tế hộ gia đình đặc biệt tập trung vào rừng*

<i>Dân tộc chính</i>	<i>Vùng phân bố</i>	<i>Vai trò trong kinh tế hộ gia đình</i>	<i>Tham gia vào sinh kế gắn với rừng</i>
Chứt	Hương Liên	Có vai trò trung tâm trong nền kinh tế	Tham gia trực tiếp vào các hoạt động hái lượm, làm nương...
Mán	Sơn Kim 1	Có vai trò trung tâm trong nền kinh tế	Tham gia trực tiếp vào các hoạt động như hái lượm, trồng cây bản địa...

Phụ nữ dân tộc Chứt ở Hà Tĩnh – đặc biệt tại bản Rào Tre, xã Hương Liên, huyện Hương Khê – có vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế hộ gia đình, nhất là mô hình sinh kế gắn với rừng và tự cung tự cấp. Dưới đây là tổng quan cụ thể:

Phụ nữ Chứt tham gia chính vào việc:

- Trồng trọt: trồng lúa, sắn, rau củ.
- Chăm sóc cây ăn quả (đu đủ, chuối).
- Chăn nuôi gia cầm (gà, vịt).
- Là lực lượng chính trong việc làm vườn, làm nương, đôi khi còn gánh vác cả lao động nặng khi nam giới vắng nhà hoặc đi làm thuê.
- Phụ nữ Chứt là người tích cực hái lượm các sản vật rừng: Măng rừng, củ mài, rau rừng, thuốc nam, củ nâu...Củi khô, lá cây về đun nấu, sinh hoạt. Một số sản vật mang bán đổi

lấy nhu yếu phẩm như muối, dầu ăn, quần áo. Đây là nguồn thu phụ nhưng thiết yếu với nhiều hộ, nhất là trong mùa giáp hạt hoặc thiếu thốn.

Phụ nữ dân tộc Chứt có vai trò trung tâm trong kinh tế hộ gia đình, nhất là mô hình sống phụ thuộc vào rừng. Họ là người sản xuất trực tiếp, giữ tri thức bản địa, đồng thời quản lý sinh hoạt và gìn giữ văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, họ cũng đối mặt với nhiều thách thức như thiếu đất sản xuất, học vấn thấp, ít cơ hội tiếp cận dịch vụ xã hội.

Phụ nữ Mán trực tiếp tham gia:

Phụ nữ dân tộc Mán tại Hà Tĩnh – tập trung ở xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn – có vai trò đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế hộ gia đình, nhất là mô hình sinh kế dựa vào rừng và nương rẫy. Vai trò của họ được thể hiện rõ trên nhiều phương diện:

- ✓ Lao động sản xuất chính trong canh tác và rừng rẫy:
 - Làm nương rẫy: trồng lúa, ngô, sắn trên các triền đồi, rẫy xa.
 - Chăm sóc rừng trồng: keo, bạch đàn (cùng nam giới).
 - Làm vườn, trồng rau, chăn nuôi nhỏ: gà, lợn, vịt.
- Trong nhiều hộ, phụ nữ gánh vác toàn bộ công việc nông nghiệp khi chồng đi làm thuê hoặc lao động xa.
- ✓ Thu hái lâm sản phụ và dược liệu: Phụ nữ Mán có kiến thức và kỹ năng trong thu hái lâm sản tự nhiên, như: Măng rừng, củ nâu, nấm, mộc nhĩ, Cây thuốc nam, đặc biệt là lá tẩm truyền thống. Các sản vật này vừa dùng trong gia đình, vừa mang bán hoặc đổi lấy hàng hóa.
- ✓ Phụ nữ là người giữ tri thức bản địa về cây rừng, cây thuốc và cách sử dụng chúng, nhất là các bà mẹ và bà cụ lớn tuổi.
- ✓ Giữ gìn nghề truyền thống gắn với rừng
 - Một số phụ nữ lớn tuổi biết làm nghề thêu thùa, dệt vải, nhuộm chàm – nguyên liệu từ cây rừng.
 - Biết cách bào chế thuốc, bốc thuốc chữa bệnh từ rừng.
 - Tuy nghề này đang mai một, nhưng phụ nữ vẫn đóng vai trò truyền dạy lại cho con cháu.
- ✓ Tổ chức và quản lý kinh tế hộ gia đình
 - Phụ nữ thường là người: Quản lý chi tiêu trong gia đình; Bán hàng hóa nhỏ, như gà, trứng, rau, sản vật rừng; Tích cực tham gia các tổ vay vốn phụ nữ, mô hình sinh kế do xã hỗ trợ.
- ✓ Gìn giữ văn hóa và giáo dục trong cộng đồng
 - Phụ nữ Mán là người duy trì: Phong tục, lễ hội gắn với rừng: lễ cúng rừng, Tết Nhầy...Ngôn ngữ, thiêu trang phục, dạy con cháu giữ đạo lý dân tộc.
 - Trong gia đình, họ là người dạy trẻ cách sống hòa hợp với rừng và thiên nhiên.

Phụ nữ dân tộc Mán ở Hà Tĩnh có vai trò thiết yếu trong nền kinh tế hộ gia đình dựa vào rừng. Họ là lao động sản xuất chính, người thu hái và quản lý lâm sản, đồng thời giữ gìn tri thức văn hóa truyền thống và quản lý sinh kế gia đình. Việc phát huy vai trò phụ nữ là yếu tố quan trọng trong bảo tồn cộng đồng dân tộc và phát triển bền vững vùng miền núi.

+ *Phạm vi diện tích rừng khu vực có đồng bào DTTS tại địa phương*

Diện tích rừng trên địa bàn huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh nơi có đồng bào DTTS Chứt, Lào sinh sống như sau: Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp của huyện Hương Khê là hơn 100.164 ha. Trong đó, diện tích rừng tự nhiên chiếm khoảng 68.406 ha. Hương Khê là một trong những huyện trọng điểm về lâm nghiệp của tỉnh Hà Tĩnh với diện tích đất lâm nghiệp chiếm hơn 80% tổng diện tích tự nhiên của huyện (126.273 ha). Như vậy, Hương Khê có diện tích rừng và đất lâm nghiệp rất lớn, chủ yếu là rừng tự nhiên và rừng phòng hộ, đóng vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế lâm nghiệp của tỉnh Hà Tĩnh.

Diện tích rừng trên địa bàn huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh là khoảng 84.530 ha, bao gồm cả rừng tự nhiên và đất lâm nghiệp. Trong đó, diện tích do 8 chủ rừng tổ chức quản lý chiếm trên 59.990 ha, hộ gia đình quản lý gần 20.840 ha và UBND xã quản lý gần 3.700 ha. Đây là huyện có diện tích rừng và đất lâm nghiệp lớn thứ hai của tỉnh Hà Tĩnh.

4.3. Hành động EMDP

Hành động phát triển dân tộc thiểu số tại Hà Tĩnh được triển khai đồng bộ qua nhiều lĩnh vực, tập trung vào các nội dung chính sau:

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống: Thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2021-2030 nhằm phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch. Các hoạt động gồm bảo tồn các lễ hội truyền thống như Tết Láp Lỗ tại Bản Rào Tre, Lễ Cha Ieng tại Bản Giàng II, xây dựng câu lạc bộ văn hóa dân gian, tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề để nâng cao nhận thức và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Chứt, Mán, Lào...

Phát triển kinh tế và giảm nghèo bền vững: Triển khai các dự án hỗ trợ sản xuất, như xây dựng tổ sản xuất, phát triển chăn nuôi bò sinh sản, cải tạo đất trồng cỏ, tạo sinh kế bền vững cho đồng bào. Đồng thời, hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm cho các hộ dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao thu nhập bình quân và giảm tỷ lệ hộ nghèo đáng kể.

Cải thiện cơ sở hạ tầng và điều kiện sống: Đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn, nhà văn hóa, trường học, trạm y tế, cung cấp điện lưới quốc gia, nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho đồng bào dân tộc thiểu số. Hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất, nhà ở kiên cố, đặc biệt cho các hộ nghèo, cận nghèo và các hộ bị ảnh hưởng thiên tai.

Chăm sóc sức khỏe và giáo dục: Tổ chức các hoạt động tư vấn dinh dưỡng cho trẻ em dân tộc, mô hình quân - dân y trong khám chữa bệnh, hỗ trợ học tập, học phí cho học sinh dân tộc thiểu số, đảm bảo quyền lợi về y tế và giáo dục.

Tăng cường công tác lãnh đạo, xây dựng tổ chức và nhân tố điển hình: Phát triển đảng viên người dân tộc thiểu số, xây dựng các điển hình tiên tiến trong các tổ chức đoàn thể cơ sở nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của đồng bào.

Những hành động này được triển khai đồng bộ, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, các ngành và cộng đồng dân tộc thiểu số, nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, bảo tồn bản sắc văn hóa và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

5. Tác động xã hội

Quỹ tỉnh Hà Tĩnh đánh giá rằng Chương trình GPT sẽ mang lại tác động tích cực cho các nhóm DTTS dựa trên đánh giá của Quỹ và các đánh giá được thực hiện trước đây bởi các chuyên gia độc lập về an toàn xã hội của NHTG và Chính phủ. Tuy nhiên, theo Khung chính sách DTTS (EMPF), trong quá trình xây dựng tài liệu EMDP, cần xác định không chỉ những lợi ích tích cực mà còn cả các vấn đề tiêu cực có thể xảy ra (như thể hiện trong Bảng 2 bên dưới) và đề xuất các biện pháp giảm thiểu thực tế mà Quỹ tỉnh có thể thực hiện để dẫn đến kết quả đôi bên cùng có lợi.

Bảng 1 Các tác động xã hội tích cực và tiêu cực

Tác động xã hội	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực	Các biện pháp giảm thiểu
Trong chương trình ERPA có một số đối tượng được hưởng tiền trực tiếp nhưng có những đối tượng được hưởng lợi thông qua các công trình được thực hiện thông qua chính sách GPT như làm giàu rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên.	Đối với một số đối tượng được hưởng tiền trực tiếp từ ERPA sẽ góp phần cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập, đời sống của người dân. Đối với những đối tượng được hưởng lợi thông qua các công trình được hỗ trợ chung cho cộng đồng thì giúp họ tiếp tục duy trì một phần sinh kế từ rừng cũng như các tác động về môi trường rừng tốt hơn do dự án mang lại.	Có thể xảy ra tình trạng so sánh giữa người được hưởng và không được hưởng	Tăng cường công tác tuyên truyền. Phổ biến và Giải đáp kịp thời các thắc mắc nếu có. Có sự tham vấn ý kiến và được sự đồng thuận của cộng đồng trước khi thực hiện các công trình.
Tham vấn trong bất kỳ dự án nào cũng có vai trò quan trọng để đảm bảo các bên liên quan	Các DTTS có liên quan đến chính sách GPT sẽ được lắng nghe và hiểu các mục tiêu phát triển	Đa phần những đối tượng DTTS sinh sống thường xuyên ở nhà thì chủ yếu là người già cả và trẻ	Tham vấn bình đẳng toàn thể cộng đồng, đặc biệt ưu tiên tiếng nói của các đối tượng yếu thế.

hiểu được cả tác động tích cực và tiêu cực. Quỹ tình hiểu điều này nhưng thiếu nguồn lực để thực hiện tham vấn rộng rãi.	của dự án. Được nghe về những hỗ trợ như giúp đỡ các hoạt động sinh kế và phát triển cơ sở hạ tầng nhỏ sẽ mang ý nghĩa tích cực.	em, đối tượng ít hiểu rõ và ít bị ảnh hưởng từ các dự án.	
Hạn chế tiếp cận vào rừng tự nhiên gắn với tăng cường và thực hiện các biện pháp giảm thiểu, hạn chế mất rừng.	Giúp việc quản lý rừng bền vững bằng việc các hộ gia đình đang phụ thuộc vào rừng sẽ hạn chế hoặc từ bỏ hoàn toàn các hoạt động lâm nghiệp bất hợp pháp.	Với các đối tượng đang phụ thuộc vào rừng từ lâm sản ngoài gỗ có thể sẽ dẫn đến mất an ninh lương thực hoặc mất nguồn thu nhập từ thu hái lâm sản ngoài gỗ	OP/ BP 4.12 và Khung quy trình do Chương trình GPT chuẩn bị thuộc tài liệu Khung chính sách DTTS (EMPF) sẽ được sử dụng để đảm bảo rằng các chuẩn bị được thực hiện để giảm thiểu bất kỳ hạn chế tiềm ẩn nào. Tạo điều kiện, để các đối tượng yếu thế tham gia vào các chương trình phát triển sinh kế của Chương trình và của chính phủ (như chương trình 1719)
Thực hiện công tác rà soát DT rừng tự nhiên của các đối tượng hưởng lợi trước khi chi trả tiền ERPA	Hoạt động này là khả thi thúc đẩy tính bền vững, trách nhiệm giải trình và minh bạch. Làm rõ ranh giới đất rừng tự nhiên của các đối tượng hưởng lợi để giảm thiểu sự thắc mắc khiếu nại và mâu thuẫn giữa các đối tượng hưởng lợi.	Sẽ xảy ra sự sai lệch về cơ sở dữ liệu. Những hoạt động này có thể ảnh hưởng xấu đến các đối tượng hưởng lợi trong trường hợp có biến động. Công tác chi trả gặp khó khăn	Có sự phối hợp chặt chẽ của các bên liên quan trong công tác rà soát để tránh sai sót (nếu có) Công tác tuyên truyền, giải đáp, thắc mắc, khiếu nại được đẩy mạnh.
Các chính sách, pháp luật và quy định về bảo vệ rừng và quản lý rừng bền vững (SFM) có tác	Nếu EMDP có thể tăng cường quá trình tạo điều kiện thuận lợi cho các quyền và mối quan hệ văn hóa	Các quá trình này không xảy ra trong một sớm một chiều và những thay đổi đã được tiến hành kể từ	Bản thân Kế hoạch EMDP này không thể đảm bảo các tác động tích cực nhưng áp dụng OP/ BP 4.10 và cả Luật Đất đai và Luật Lâm nghiệp

động tích cực và tiêu cực đối với các hộ DTTS.	xã hội khác nhau thì đây sẽ là một kết quả tích cực.	Luật Đất đai (2013) hơn một thập kỷ trước và các nhóm DTTS có thể mất niềm tin.	(2017) đã mang lại những cải thiện dần dần.
Liên quan đến sinh kế và sự phụ thuộc vào rừng, an ninh lương thực, đặc biệt là lúa gạo, ngày càng trở nên khó khăn và các chương trình, chính của Chính phủ nhằm khắc phục vấn đề này bằng việc hỗ trợ gạo cho các hộ DTTS có thể tạo ra mức độ thụ động và phụ thuộc.	Giải quyết các vấn đề liên quan đến mất an ninh lương thực đóng vai trò quan trọng và cần được coi là tác động tích cực, nhưng nếu Kế hoạch EMDP cũng có thể đảm bảo DTTS sẽ là những người tham gia tích cực trong quản lý rừng nhằm bảo tồn các hệ sinh thái quan trọng đối với sản xuất lương thực và đa dạng sinh học, đây sẽ là một kết quả rất tích cực.	Đồng bào DTTS mang tính ỷ lại, phụ thuộc vào các chính sách hỗ trợ lúa, gạo hoặc từ lâm sản ngoài gỗ dẫn đến hạn chế nhận thức trong công tác quản lý rừng bền vững nói chung và GPT nói riêng	Trên thực tế, bản thân Kế hoạch EMDP không thể giải quyết hoàn toàn các vấn đề liên quan đến mất an ninh lương thực, nhưng nó giúp chứng minh rằng các tác động tích cực về môi trường của Chương trình GPT, ví dụ các biện pháp lâm sinh thông minh về khí hậu, có thể đóng góp vào an ninh lương thực thông qua tạo thu nhập và/hoặc cung cấp các loại thực vật, cá và nấm làm thức ăn.
Sự bất bình đẳng về giới tính và các nhóm yếu thế trong quá trình thực hiện Chương trình GPT có thể dẫn đến tác động tiêu cực đối với phụ nữ và các nhóm khác như hộ nghèo và dễ bị tổn thương. Trong thời gian gần đây, Chính phủ đã khuyến khích sự tham gia của cả phụ nữ và nam giới một cách	Tác động tích cực mà Kế hoạch EMDP được thiết kế để tạo ra là giúp phụ nữ, các nhóm yếu thế và dễ bị tổn thương khác hòa nhập xã hội tốt hơn, đây là một thành phần quan trọng đối với sự tham gia của các bên liên quan. Đảm bảo hòa nhập xã hội và giới tính là con đường tốt nhất để thực hiện hiệu quả	Một tác động tiêu cực có thể xảy ra là nam giới sẽ cảm thấy thu hẹp vị thế trong xã hội cộng đồng nên họ tìm cách gạt bỏ sự tham gia của phụ nữ dẫn đến xung đột giới.	Chương trình GPT sẽ không thành công nếu không có sự tham gia tích cực của phụ nữ và các nhóm nghèo và dễ bị tổn thương. Trong một số trường hợp, Quỹ tình đã thực hiện phỏng vấn nhóm tập trung (FGD) riêng cho nam và nữ, nhưng hiệu quả nhất là sẽ tìm cách tạo ra sự đồng thuận giữa phụ nữ và nam giới.

có hệ thống vào các dự án phát triển, vốn đã trao quyền cho phụ nữ.	bất kỳ dự án phát triển nào ở Việt Nam.		
Kế hoạch Chia sẻ Lợi ích BSP của Chương trình GPT đã được thiết kế để mang lại lợi ích cho những người sống trong các khu vực rừng tham gia thực hiện Chương trình GPT.	Có những lợi ích tài chính tích cực, mặc dù chỉ mang tính chất rất khiêm tốn, nhưng sẽ không có ở các địa phương mà người dân cư trú nếu không có Chương trình GPT.	Đôi khi sống trong các khu vực rừng không có nghĩa là người dân có thể hưởng lợi từ rừng vì họ không được tiếp cận với các nguồn tài nguyên.	Quỹ tỉnh Hà Tĩnh cần thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức và tham vấn với cộng đồng để đảm bảo rằng người dân và hộ gia đình biết về BSP và những gì họ có thể mong đợi từ BSP.
Phần lớn thông tin kỹ thuật liên quan đến Chương trình GPT khá phức tạp và đòi hỏi kiến thức sâu hơn về kỹ thuật so với hiểu biết của hầu hết dân làng.	Thông tin phức tạp có thể được đơn giản hóa, và Chương trình GPT có trách nhiệm thực hiện và chứng minh rằng dân làng cũng có một khối lượng kiến thức mà họ đã tạo ra theo thời gian.	Các chuyên gia thực hiện dự án, nếu kiên quyết chỉ sử dụng kiến thức kỹ thuật, sẽ tạo ra khoảng cách thậm chí ngày càng lớn giữa họ và dân làng địa phương, điều này rất phản tác dụng và không giúp ích cho tiến độ của Chương trình GPT.	Các cán bộ phụ trách BDAT của Quỹ tỉnh sẽ được đào tạo và hướng dẫn lặp đi lặp lại về các vấn đề an toàn XH và MT để có hiểu biết đầy đủ về các vấn đề này và sau đó sử dụng những gì đã học được khi phổ biến thông tin ở cấp địa phương.

6. Công bố thông tin

Thông tin đã và sẽ được công bố theo yêu cầu của Kế hoạch EMDP này bằng nhiều hình thức khác nhau:

Công bố thông tin chính thức ở cấp huyện và xã về mục tiêu các hoạt động của Chương trình GPT dành cho nhóm dân tộc thiểu số (DTTS) cùng các hỗ trợ thực tế tại địa phương. Thông tin bằng văn bản sẽ được cung cấp bằng tiếng Việt, do nhóm DTTS tại Hà Tĩnh vẫn đang trong quá trình hoàn thiện chữ viết phiên âm Latinh. Để tăng khả năng tiếp cận và hiểu biết, sẽ áp dụng thêm hình thức truyền tải thông tin bằng đồ họa trực quan, giúp người dân dễ tiếp nhận, hấp dẫn và dễ chia sẻ. Quỹ tỉnh Hà Tĩnh xem việc công bố văn bản chính thức về các hoạt động trong Kế hoạch EMDP là nhiệm vụ quan trọng, nhằm tránh sai lệch thông tin do nhiều phương tiện truyền thông xã hội khác nhau sử dụng mà không được kiểm chứng chính thức. Đã tổ chức nhiều khóa tập huấn

nâng cao nhận thức cho các đối tượng liên quan trên địa bàn. Báo Hà Tĩnh và Báo Nông nghiệp và Môi trường cũng đã đăng tải hơn 10 bài viết phổ biến về Thỏa thuận chi trả GPT trên địa bàn tỉnh.

Để đảm bảo công bố thông tin toàn diện, bao gồm cả các nhóm yếu thế, các cuộc tham vấn tại địa phương cần được tổ chức vào thời điểm, địa điểm phù hợp và có sự đồng thuận của người dân. Bởi người dân ở Hà Tĩnh thường bận rộn với các công việc rừng và sinh kế, việc thông báo trước đầy đủ để người dân có thời gian chuẩn bị là rất quan trọng. Đặc biệt với các nhóm DTTS, đây là nguyên tắc cốt lõi của phương pháp tiếp cận. Đồng thuận trước khi thực hiện (FPIC), giúp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng.

7. Cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại

Quý tỉnh hiểu rõ tầm quan trọng về việc tất cả các bên liên quan của nhóm tham gia Chương trình GPT, cung cấp phản hồi về hoạt động của Chương trình GPT ở tỉnh Hà Tĩnh và nếu cần, yêu cầu được giải quyết khiếu nại nếu họ cảm thấy cần thiết.

Trên thực tế, dự kiến rằng không phải tất cả các bên liên quan ở cấp địa phương sẽ hoàn toàn hài lòng với Chương trình GPT. Điều này có thể xảy ra nếu có các hạn chế về tiếp cận ảnh hưởng đến sinh kế hiện tại của họ, hoặc nếu các khoản tiền mà họ tin rằng họ được hưởng cho các hoạt động bảo vệ rừng không được chi trả hoặc nếu họ không được tham khảo ý kiến đầy đủ trong các cuộc thảo luận về các hoạt động sinh kế ưu tiên trong Chương trình GPT. Giải quyết các khiếu nại liên quan đến ưu tiên về các hoạt động sinh kế sẽ đòi hỏi tổ chức tham vấn bổ sung vào thời điểm và tại địa điểm mà các bên đồng ý, trong khi đó, việc giải quyết các khiếu nại liên quan đến hạn chế tiếp cận và/hoặc các quyền lợi không được chi trả sẽ phức tạp, tốn thời gian và chi phí hơn. Tuy nhiên, Kế hoạch EMDP đã được chuẩn bị nhằm giúp tất cả các bên liên quan hiểu cách sử dụng cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại (FGRM) để đảm bảo kết quả đôi bên cùng có lợi.

Sẽ cố gắng đảm bảo rằng bất kỳ khiếu nại nào nhận được đều sẽ được giải quyết nhanh nhất có thể ở cấp thôn bản mà không cần sự hòa giải của Quý tỉnh. Tuy nhiên, nếu các vấn đề không thể được giải quyết tại địa phương và cần được đưa lên cấp trên, đã xây dựng cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại (FGRM) và công bố cho tất cả các bên liên quan theo Kế hoạch EMDP này. Tất cả các khiếu nại sẽ được ghi lại ngay cả khi chúng được giải quyết ở cấp thôn bản. Đối với bất kỳ giai đoạn nào trong quy trình FGRM, các bên liên quan ở cấp thôn không phải chi trả cho bất kỳ hoạt động nào liên quan đến FGRM. Tại Việt Nam, FGRM được thiết kế để cung cấp một quy trình có cấu trúc giúp các cá nhân và cộng đồng nêu lên mối quan ngại và tìm kiếm giải pháp liên quan đến các dự án và chính sách ảnh hưởng đến họ và được đưa vào **Luật Khiếu nại và Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020** mà không sợ bị trả thù. Dưới đây là các bước mà một người có khiếu nại cần thực hiện:

1. **Nhận và đăng ký khiếu nại**: bởi đại diện thôn bản do bên bị thiệt hại bầu ra tại nơi người dân đang có yêu cầu giải quyết khiếu nại về các hoạt động của Chương trình GPT sinh sống. Quá trình này có thể diễn ra tại cuộc họp hàng tháng được đề xuất hoặc trên cơ sở không chính thức và trong trường hợp có đơn khiếu nại bằng văn bản, đại diện thôn bản được bầu hoặc một thành viên biết chữ của một tổ chức cấp thôn bản sẽ hỗ trợ bên bị thiệt hại nếu bên này yêu cầu nộp đơn khiếu

nại bằng văn bản. Tuy nhiên, lý tưởng nhất là tất cả các khiếu nại nếu có thể nên được giải quyết ở cấp thôn bản. Cá nhân nộp đơn khiếu nại của họ cho **Ban Giải quyết Khiếu nại cấp thôn (VGRC)** tại thôn bản. Quá trình này có thể được thực hiện bằng văn bản, bằng miệng hoặc qua điện thoại.

2. Xác nhận, Đánh giá và Chỉ định: Ban giải quyết khiếu nại cấp thôn sẽ xem xét khiếu nại để xác định tính hợp lệ và mức độ phù hợp. Nếu khiếu nại nằm ngoài phạm vi của ban cấp thôn, nó sẽ được chuyển đến **Ban Giải quyết khiếu nại cấp xã (CGRC)**.

Điều tra: Ban giải quyết khiếu nại tiến hành điều tra bằng cách tham khảo ý kiến của các bên liên quan và xác minh vấn đề. Một báo cáo xác thực sẽ được chuẩn bị và gửi cho các bên.

Họp giải quyết: Ban giải quyết khiếu nại sẽ tổ chức một cuộc họp với người khiếu nại để thảo luận về khiếu nại và tìm kiếm giải pháp. Cuộc họp được thiết kế để đảm bảo tính minh bạch và cho phép người khiếu nại trình bày về trường hợp của mình.

3. Đề xuất trả lời: Sau đó, ban giải quyết khiếu nại sẽ trả lời về khiếu nại theo một khung thời gian cụ thể, thường là trong vòng **15 ngày làm việc**. Trả lời sẽ bao gồm các phát hiện và mọi hành động đã được thực hiện để giải quyết khiếu nại.

4. Quy trình kháng cáo: Nếu người khiếu nại vẫn không hài lòng với phương án giải quyết, họ có quyền kháng cáo lên **Ban Giải quyết Khiếu nại cấp huyện (DGRC)** và sẽ được **Phòng Tư pháp huyện (DOJ) thông báo** liệu có thể tiếp nhận giải quyết khiếu nại hay không. Thông thường, quá trình này phải được hoàn thành trong vòng 30 ngày.

Kênh cuối cùng của quy trình kháng cáo: Nếu khiếu nại không hài lòng với kết quả kháng cáo ở cấp huyện, họ có thể khiếu nại lên **Sở Tư pháp tỉnh (PDOJ)** trong vòng 45 ngày. Là một phần của quá trình giải quyết khiếu nại, Quỹ tỉnh Nghệ An sẽ cung cấp đầu vào cần thiết dựa trên Khung chính sách DTTS (EMDF) của Chương trình GPT và Kế hoạch EMDP này. Nếu cần thiết, Quỹ tỉnh sẽ báo cáo lên Chương trình GPT cấp quốc gia.

Nếu vẫn không thể giải quyết, người khiếu nại có thể gửi khiếu nại của họ đến **Tòa án** và tòa có 60 ngày để điều tra và đưa ra phán quyết của mình. Phán quyết phải được thông báo trong vòng 10 ngày cho Ủy ban nhân dân tỉnh có khiếu nại.

8. Sắp xếp thể chế

Các sắp xếp thể chế về thực hiện Chương trình GPT đối với các hoạt động chính liên quan đến thực hiện Kế hoạch chia sẻ lợi ích (BSP) ở cấp tỉnh và cấp cơ sở tại tỉnh Hà Tĩnh được nêu trong Bảng 2 phía dưới.

Cơ quan thực hiện chính của Kế hoạch EMDP là Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh (Quỹ tỉnh) với vai trò quản lý và hướng dẫn trực tiếp (và gián tiếp là UBND tỉnh). Quỹ tỉnh cung cấp cán bộ đầu mối và cán bộ hỗ trợ về an toàn xã hội (cán bộ BDAT môi trường và xã hội).

Bảng 2 Sắp xếp thể chế thực hiện BSP và EMDP tại Hà Tĩnh⁵

Đơn vị	Tóm tắt các trách nhiệm chính liên quan đến thực hiện BSP
UBND tỉnh Hà Tĩnh (PPC)	Phê duyệt tổng thể BSP cấp tỉnh, ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình GPT, cung cấp dữ liệu về việc thực hiện Chương trình GPT cấp tỉnh, phối hợp triển khai Chương trình GPT với các chương trình khác đang diễn ra trên địa bàn tỉnh, huy động nguồn lực cho công tác bảo vệ, quản lý và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo Quỹ tỉnh phối hợp với các đơn vị liên quan, ví dụ như Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan để xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình GPT, gồm Kế hoạch EMDP. Không cho phép chuyển số tiền chi trả GPT đã thỏa thuận của Chương trình GPT cho các bên khác. Đôn đốc, kiểm tra, theo dõi và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Chương trình GPT với cơ quan có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật. Hàng năm, báo cáo Bộ NN&MT về kết quả thực hiện Chương trình GPT theo quy định.
Sở Nông nghiệp và Môi trường (DAE)	Phối hợp với Quỹ tỉnh và Chi cục Kiểm lâm kiểm tra kết quả bảo vệ và phát triển rừng của các tỉnh, tham gia báo cáo và quản lý thực hiện BSP trong đó có giám sát và đánh giá M&E về việc thực hiện chia sẻ lợi ích trên địa bàn tỉnh. Giám sát việc thực hiện các khía cạnh kỹ thuật theo khuyến nghị của sở liên quan (khi cần), Quỹ Trung ương (VNFF) và Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm (DFFP).
Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh (Quỹ tỉnh)	Chịu trách nhiệm giải ngân kinh phí cho các đối tượng thụ hưởng theo kế hoạch đã thỏa thuận được UBND tỉnh phê duyệt. Làm việc với và hỗ trợ các cán bộ kiểm lâm của tỉnh, những người đã ký hợp đồng với Quỹ tỉnh và cũng gồm cả cán bộ về BDAT môi trường và xã hội. Phối hợp với các chủ rừng lớn trong việc thực hiện BSP và xây dựng kế hoạch tài chính và thực hiện tổng hợp về BSP với mục tiêu bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Có trách nhiệm thực hiện Kế hoạch EMDP. Quỹ tỉnh chỉ định cán bộ đầu mối về MT & XH để thực hiện các khía cạnh MT & XH của BSP và EMPD và

⁵ Bảng 3.7, trang 30-31, Kế hoạch chia sẻ lợi ích - Chương trình GPT khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam, Bộ NN&PTNT-FCPF, tháng 12 năm 2022.

Đơn vị	Tóm tắt các trách nhiệm chính liên quan đến thực hiện BSP
	phối hợp với các chủ rừng lớn (Ban QL rừng đặc dụng, Công ty lâm nghiệp Nhà nước, Ban QL rừng phòng hộ) và các xã về việc thực hiện. Xây dựng khung giám sát, đánh giá và báo cáo chung. Giải ngân qua tài khoản ngân hàng, thanh toán điện tử (thanh toán không dùng tiền mặt), công cụ thanh toán qua bưu điện cho các bên liên quan để thực hiện BSP và Chương trình GPT.
Ủy ban nhân dân huyện (DPC)	Cung cấp thông tin về phát triển kinh tế - xã hội và số liệu về hiện trạng quản lý rừng và đất lâm nghiệp trong khu vực thí điểm để chia sẻ lợi ích trên địa bàn huyện theo quy định tại Nghị định về thí điểm chuyển giao kết quả GPT khí nhà kính và quản lý tài chính của Chương trình GPT. Phối hợp tác với Sở NN&MT, Quỹ tỉnh và các chủ rừng lớn trong việc chỉ đạo, giám sát việc thực hiện chia sẻ lợi ích. UBND huyện là đầu mối của cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại (FGRM) trong quá trình thực hiện chia sẻ lợi ích tại các đơn vị cơ sở trên địa bàn huyện theo quy định tại Kế hoạch BSP.
Ủy ban nhân dân xã (CPC)	Chủ trì và phối hợp với cộng đồng địa phương và các bên liên quan để xây dựng và thực hiện Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển Rừng, và BSP. Tổ chức họp xã theo quy định tại Nghị định 107/2022/NĐ-CP. Phối hợp với các chủ rừng lớn và cán bộ MT & XH của Quỹ tỉnh để thực hiện Kế hoạch EMDP. Phối hợp với đội Giám sát & Đánh giá của tỉnh thực hiện công tác giám sát, theo dõi, đánh giá, phê duyệt kết quả bảo vệ và phát triển rừng và chia sẻ lợi ích. Cung cấp nguồn nhân lực và phòng họp cần thiết cho quá trình hòa giải; chỉ đạo quá trình hòa giải và phản hồi về việc giải quyết khiếu nại cho người dân, giải quyết các khiếu nại liên quan đến việc chia sẻ lợi ích ở cơ sở.
Ban QL rừng đặc dụng, Ban QL rừng phòng hộ và Công ty lâm nghiệp Nhà nước	Phối hợp với Sở NN&MT, Quỹ tỉnh và UBND xã để quản lý và thực hiện các hoạt động của chương trình BSP, gồm cả việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, trên diện tích đất rừng do Ban QL rừng đặc dụng, Ban QL rừng phòng hộ và Công ty lâm nghiệp Nhà nước quản lý. Làm việc với cán bộ BĐAT MT&XH của Quỹ tỉnh về thực hiện Kế hoạch EMDP. Làm việc với UBND xã và cộng đồng để phát triển các dự án sinh kế quy mô nhỏ phù hợp.

Đơn vị	Tóm tắt các trách nhiệm chính liên quan đến thực hiện BSP
	Làm việc với UBND xã và cộng đồng để ký hợp đồng với cộng đồng về quản lý bảo vệ rừng cộng đồng.

9. Nâng cao hiệu quả phát triển

Hiệu quả phát triển đề cập đến mức độ mà các can thiệp phát triển đạt được kết quả dự kiến và đóng góp vào tiến độ tổng thể và phúc lợi của các nhóm dân cư mục tiêu. Bảng 3 và 4 dưới đây đã được tổng hợp và là một phần của Kế hoạch EMDP để liệt kê những hoạt động mà tỉnh Hà Tĩnh đề xuất Chương trình GPT hỗ trợ và dựa trên tham vấn với cán bộ Quỹ tỉnh và cộng đồng, gồm mức độ liên quan, hiệu suất, hiệu quả, tác động và tính bền vững:

Bảng 3 Tóm tắt các hoạt động đề xuất

Hoạt động đề xuất để hỗ trợ	Tóm tắt các hành động
Hoạt động 1: Tổ chức cuộc hội thảo tham vấn cấp thôn	Các cuộc họp tham vấn/hội thảo tại các thôn để thảo luận và quyết định về các hoạt động có thể được tài trợ trong khuôn khổ Kế hoạch BSP theo Nghị định 107.
Hoạt động 2: Tổ chức hội thảo tham vấn cấp xã	Các cuộc họp tham vấn/hội thảo cấp xã để thảo luận và xác nhận các hoạt động có thể được tài trợ trong khuôn khổ Kế hoạch BSP theo Nghị định 107.
Hoạt động 3 Xây dựng và thực hiện kế hoạch/chương trình truyền thông	Các hoạt động nâng cao nhận thức/thông tin để hỗ trợ phổ biến thông tin về Chương trình GPT, chia sẻ lợi ích và cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại (FGRM).
Hoạt động 4 Tăng cường năng lực	Tăng cường năng lực kỹ thuật và tập huấn trên nhiều lĩnh vực bao gồm: nâng cao trữ lượng các-bon rừng trồng và cải thiện sinh kế cho các cộng đồng độc lập trong rừng, kỹ năng điều phối, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng giải quyết xung đột, đào tạo về bảo đảm an toàn môi trường và xã hội.

Bảng 4 Hiệu quả phát triển do EMDP tạo ra

Chiến lược	Mô tả	Tác động
Sự tham gia của cộng đồng	Thu hút các cộng đồng các nhóm DTTS tham gia vào việc lập kế hoạch và thực hiện.	Đảm bảo rằng nhu cầu và quan điểm của người DTTS được xem xét và có hành động nghiêm túc. Điều này sẽ tạo điều kiện cho các cộng đồng gắn kết xã hội sẵn sàng làm

Chiến lược	Mô tả	Tác động
		việc với chính phủ để có kết quả bền vững hơn.
Tăng cường năng lực	Thúc đẩy đào tạo và nguồn lực để nâng cao kỹ năng và kiến thức	Nếu không có Chương trình GPT, việc tăng cường năng lực cho một lĩnh vực tập trung vào biến đổi khí hậu như ở tỉnh Hà Tĩnh có thể không diễn ra một cách có hệ thống.
Phát triển cơ sở hạ tầng	Cải thiện khả năng tiếp cận đường nông thôn, tài nguyên nước cho nông nghiệp, thị trường và tăng cường cơ sở hạ tầng cộng đồng	Các khoản đầu tư tài chính tuy khiêm tốn, nhưng chúng có thể dùng làm đòn bẩy và kết hợp với các chương trình khác của Chính phủ có nguồn tài chính lớn hơn để phát triển cơ sở hạ tầng.
Tiếp cận dịch vụ	Đảm bảo tiếp cận y tế, giáo dục, cung cấp nước sạch và an sinh xã hội.	Dần dần, chính quyền tỉnh Nghệ An đã tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ này, mà các DTTS theo truyền thống ít được tiếp cận hơn vì Kế hoạch EMDP nêu rõ mức độ nghèo đói và dễ bị tổn thương hơn của cả hai nhóm DTTS này và Chương trình GPT tuân theo cách tiếp cận của Chính phủ để đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau.
Bảo tồn văn hóa	Hỗ trợ bảo tồn di sản văn hóa và tập quán truyền thống.	Điều này duy trì bản sắc và gắn kết xã hội và phản ánh mục tiêu cơ bản là ở Việt Nam, văn hóa của tất cả các dân tộc đều được coi trọng.
Cải thiện quản trị rừng	Cung cấp khả năng tiếp cận rừng tốt hơn và giải quyết các tranh chấp về tiếp cận tài nguyên rừng.	Đảm bảo an ninh quyền sở hữu đất khi cần và năng suất bền vững của đất rừng sử dụng cho các loại lâm sản ngoài gỗ (NTFG) cũng như cho mục đích thương mại.
Chia sẻ lợi ích (lợi ích carbon và phi carbon)	Đảm bảo khả năng chia sẻ lợi ích từ các hoạt động của Chương trình GPT.	Chia sẻ lợi ích của Chương trình GPT là mục tiêu cơ bản trong bất kỳ Kế hoạch BSP nào, Kế hoạch EMDP cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của lợi ích phi carbon và EMDP được thiết kế để đảm bảo càng nhiều người DTTS có thể hưởng lợi từ cả lợi ích carbon và phi carbon.
Cơ chế phản hồi và giải quyết	Triển khai hệ thống báo cáo và giải quyết khiếu nại.	Những người có khiếu nại và mong muốn giải quyết có thể tiếp cận một cơ chế được thiết kế phục vụ mục đích này. FGRM

Chiến lược	Mô tả	Tác động
khieu nại (FGRM)		được thiết kế để đảm bảo tính công bằng, trách nhiệm giải trình và minh bạch.
Các biện pháp bảo đảm an toàn xã hội được công nhận	Chứng minh cho các nhà cung cấp lợi ích carbon về mức độ trách nhiệm giải trình và tính minh bạch cao.	Khả năng cao các nhà cung cấp tài chính carbon khác sẽ đánh giá Chương trình GPT được quản lý tốt và có lợi cho tất cả các bên liên quan. Do đó, có khả năng ngay cả khu vực tư nhân cũng quan tâm đến việc đầu tư thêm vào lĩnh vực này tùy thuộc vào sự chấp thuận của chính phủ.

Có một số chủ rừng cá nhân trong số DTTS tại tỉnh Hà Tĩnh được nhận các khoản chi trả BSP để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Trong những trường hợp mà UBND xã đã ký thỏa thuận bảo vệ rừng với các chủ rừng cá nhân hoặc tổ chức lớn, xã có trách nhiệm xây dựng phương án sử dụng số tiền BSP thu được và trình UBND huyện phê duyệt. Việc phê duyệt này phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành của UBND tỉnh Hà Tĩnh liên quan đến chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES) và bảo vệ rừng bền vững.

Điều quan trọng là, Kế hoạch BSP yêu cầu UBND xã xác định các hộ gia đình nghèo và dễ bị tổn thương hơn sẽ được hưởng lợi từ các can thiệp sinh kế do xã quản lý mà không dựa vào rừng. Chính ở đây, Kế hoạch EMDP là rất phù hợp và cán bộ BDAT của Quỹ tỉnh phải đảm bảo rằng nếu các hộ gia đình này thuộc nhóm DTTS Chứt, Mán họ phải được thông báo về quyền tham gia vào các hoạt động này và được hưởng lợi từ các can thiệp sinh kế (nếu có triển khai hoạt động tại địa phương). Có thể lập danh sách các hộ gia đình đủ điều kiện vì Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh (DOLISA) có yêu cầu về danh sách này. Tuy nhiên, để tránh "ảnh hưởng do giới tính hóa thôn bản", vì có thể trường thôn không đưa vào danh sách những hộ gia đình này, cần phải khảo sát các hộ gia đình một cách ngẫu nhiên.

Nếu các bước nêu trên không được thực hiện nghiêm túc và minh bạch, sẽ vi phạm nghiêm trọng Kế hoạch EMDP và có thể dẫn đến khiếu nại trong cộng đồng. Vì vậy, cán bộ BDAT MT&XH của Quỹ tỉnh có trách nhiệm nêu rõ các yêu cầu trên trong các khóa tập huấn cho cán bộ cấp xã và huyện. Đồng thời, cần bảo đảm rằng người dân – đặc biệt là nhóm DTTS nghèo và dễ bị tổn thương – được thông tin đầy đủ để hiểu rõ và thực hiện quyền tham gia, đóng góp và giám sát trong quá trình thực hiện Chương trình GPT.

10. Giám sát và đánh giá

Để đảm bảo Chương trình GPT nâng cao hiệu quả phát triển, tính minh bạch và bao trùm đối với nhóm DTTS trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, các hoạt động M&E sau đây sẽ được thực hiện: 1) tiếp tục và cải thiện việc thu thập dữ liệu cơ sở, ví dụ như dữ liệu dân số nên được phân tách theo giới tính và dân tộc; 2) giám sát thường xuyên các hoạt động, ví dụ và cần được quan tâm đặc biệt, là tình trạng thực hiện chia sẻ lợi ích; 3) phản hồi của cộng đồng; 4) giải quyết khiếu nại; 5) xây dựng

năng lực; và 6) đánh giá tác động và ai sẽ chịu trách nhiệm. Các nội dung này được trình bày trong Bảng 6 dưới đây về các hoạt động giám sát và đánh giá cho Kế hoạch EMDP. Các hoạt động này cần được phân tách theo địa phương (thôn, xã, huyện), giới tính (nam và nữ), độ tuổi (thanh niên, trung niên, người già), tình trạng hôn nhân (độc thân, đã kết hôn và ly hôn), trình độ đọc viết và sử dụng ngôn ngữ (Tiếng Chứt, Mán và Tiếng Việt), các hoạt động sinh kế (kinh doanh hoặc lao động làm công ăn lương dựa vào rừng, nông nghiệp và phi đất đai) và mức thu nhập (nghèo, gần nghèo hoặc không nghèo). Tuy nhiên, để đảm bảo rằng tất cả các bên liên quan có thể xác định các chỉ số mà họ cho là quan trọng và phù hợp với cuộc sống của chính họ mà sẽ bị ảnh hưởng bởi Chương trình GPT, họ sẽ được Quỹ tỉnh mời tham gia xác định các chỉ số này. Kế hoạch EMDP được thiết kế trên cơ sở một đặc điểm chính của việc thực hiện EMDP là phải tham khảo ý kiến của người dân, gồm các DTTS, phụ nữ, người cao tuổi và những người dễ bị tổn thương.

Các chỉ số quan trọng có thể sử dụng trong Báo cáo M&E

Ở giai đoạn này, một số chỉ số đã được xác định có thể được sử dụng, mặc dù không loại trừ các chỉ số khác mà các cộng đồng DTTS địa phương có thể đề xuất. Các chỉ số này gồm: 1) kinh phí được sử dụng cho bảo vệ rừng, ví dụ như các cuộc tuần tra bảo vệ (số lượng và thành phần các cuộc tuần tra) và ngân sách được phê duyệt, và các khu vực tuần tra; 2) số vụ vi phạm rừng tăng/giảm; 3) tỷ lệ phần trăm chi trả được thực hiện qua thanh toán điện tử; 4) tỷ lệ phần trăm chi trả được thực hiện đúng thời hạn; 5) số hộ gia đình DTTS do phụ nữ làm chủ nhận trợ cấp; 6) số lượng hộ DTTS nghèo và dễ bị tổn thương nhận trợ cấp; 7) số lượng người tham gia can thiệp lâm sinh; và 8) cộng đồng tham gia quản lý rừng có sự tham gia, bền vững với chủ rừng là một tổ chức. Các chỉ số chính ở đây là giới tính, dân tộc, mức độ nghèo và dễ bị tổn thương.

Bảng 5 Hoạt động giám sát và đánh giá EMDP

Mức độ giám sát	Đơn vị chịu trách nhiệm	Hoạt động chính
Giám sát & đánh giá và báo cáo cấp tỉnh	UBND tỉnh, Sở NN&MT và Quỹ tỉnh	Quỹ tỉnh phối hợp với các đơn vị có liên quan (và cũng báo cáo cho Quỹ Trung ương VNFF) chịu trách nhiệm thực hiện Kế hoạch EMDP đã được chuẩn bị bởi nhóm phụ trách về MT&XH của địa phương, rằng tất cả các hoạt động hướng đến hai nhóm DTTS đã được thực hiện đầy đủ, một phần, hoặc vẫn đang dở dang về việc tuân thủ EMDP một cách thỏa đáng, thỏa đáng một phần hoặc không thỏa đáng. Các báo cáo này cũng sẽ khuyến nghị cách giải quyết các tồn tại, hoạt động giám sát cần thiết và thời hạn báo cáo về thành công hay không của các hoạt động đã sửa đổi.
Giám sát ở cấp địa phương	Chủ tịch UBND xã	UBND xã sẽ chịu trách nhiệm giám sát tổng thể tại các thôn bản nơi hai nhóm DTTS sinh sống và đã đồng ý tham gia Chương trình GPT. Để hỗ trợ UBND xã, có các tổ chức đoàn thể, đặc biệt là Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt

		Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản, Hội Nông dân và Hội Cựu chiến binh. Tuy nhiên, nếu cần thiết, UBND xã có thể yêu cầu hỗ trợ của UBND huyện hoặc Quỹ tỉnh, đặc biệt là trong các hành động liên quan đến Cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại (FGRM) và khi đột xuất, và khi thấy cần thiết, Quỹ tỉnh sẽ ủy quyền cho một hoặc nhiều cán bộ MT & XH có hiểu biết sâu về Kế hoạch EMPD đến thăm từng xã để hướng dẫn giải quyết khó khăn về báo cáo giám sát & đánh giá (M&E) và nếu cần thiết, đề xuất cách tăng cường các hoạt động hiện có.
	Ban QL rừng đặc dụng, Ban QL rừng phòng hộ và Công ty lâm nghiệp Nhà nước	Trong trường hợp các đơn vị này đang thực hiện các hoạt động GPT mà ảnh hưởng đến hai nhóm DTTS nêu trên, các đơn vị này sẽ phải theo dõi và báo cáo tiến độ, cả tích cực và tiêu cực liên quan đến đầu tư sinh kế, hợp đồng khoán bảo vệ rừng đã ký kết, các hoạt động trồng rừng và tái trồng rừng, chuyển đổi luân canh ngắn hạn.
Các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ và các nhóm xã hội dân sự	Các đơn vị này không có vai trò chính thức nào trong Kế hoạch EMPD, nhưng Quỹ tỉnh ghi nhận rằng để đảm bảo quyền sở hữu của tất cả các hoạt động GPT mà sẽ ảnh hưởng đến hai nhóm DTTS, các tổ chức hoặc nhóm này có thể làm việc với các nhóm thụ hưởng để theo dõi và báo cáo về việc liệu dân làng có thể hoặc sẽ có thể hưởng lợi từ các hoạt động của dự án hay không và sử dụng Kế hoạch EMPD để đánh giá liệu kết quả có thành công hay không, có thể thành công hoặc sẽ không thành công, ngay cả khi các biện pháp giảm thiểu đề xuất được áp dụng. Các báo cáo sẽ được Quỹ tỉnh rà soát, kết hợp với Văn phòng UB Dân tộc cấp tỉnh.	

11. Ngân sách

Bảng 6 dưới đây trình bày về ngân sách của Quỹ tỉnh để thực hiện Kế hoạch EMPD hàng năm. Ngân sách nêu rõ các nguồn lực tài chính mà Quỹ tỉnh cần để thực hiện triển khai EMPD.

Bảng 6 Dự toán chi phí thực hiện Kế hoạch EMPD hàng năm⁶

Hoạt động	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VND)	Tổng số (VND)
Hoạt động 1. Tổ chức hội nghị, tập huấn tham vấn trên địa bàn tỉnh				

Hội nghị tổng kết đánh giá thực hiện thí điểm chi trả nguồn ERPA trên địa bàn tỉnh (cấp tỉnh)	Cuộc	1	150.000.000	150.000.000
Hội nghị tập huấn, hướng dẫn thực hiện bảo đảm an toàn môi trường và xã hội nguồn thu từ ERPA (cấp tỉnh)	Cuộc	4		240.000.000
Hoạt động 2. Tổ chức hội thảo tham vấn cấp huyện, xã				
Hội nghị tuyên truyền, phổ biến Chính sách chi trả giảm phát thải khí nhà kính và các văn bản liên quan tại cụm phía Đông và cụm phía Tây tỉnh Hà Tĩnh.	Cuộc	2		100.000.000
Hoạt động 3: Xây dựng và thực hiện kế hoạch/chương trình truyền thông				
Ấn phẩm, vật phẩm truyền thông (Bình Giữ nhiệt, Ô đi mưa, Mũ Bảo hiểm, Lịch tết, áo mưa)				390.000.000
Tuyên truyền trên báo viết, Tạp chí				185.000.000
Hoạt động 4: giải quyết khiếu nại, thắc mắc và phản hồi				
Tập huấn giải quyết khiếu nại, thắc mắc và phản hồi	Đợt	4		240.000.000
TỔNG				1.305.000.000 (51.722,06 USD)

Ngày 15 tháng 12, tỷ giá hối đoái là 1 USD = 25.231,01 VND

11. Kết luận

Kế hoạch EMDP là một khung chiến lược được thiết kế để giải quyết các nhu cầu và thách thức cụ thể mà các nhóm DTTS phải đối mặt trong chương trình GPT, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, bảo tồn văn hóa và tiếp cận cơ hội một cách bình đẳng thông qua thực hiện các chính sách và chương trình có mục tiêu phù hợp với hoàn cảnh riêng của người DTTS.

Tóm tắt các yếu tố quan trọng của Kế hoạch phát triển DTTS (EMDP) được trình bày dưới đây:

- **Đánh giá nhu cầu** - Tiến hành nghiên cứu kỹ lưỡng để xác định các nhu cầu cụ thể về kinh tế xã hội, giáo dục, sức khỏe và văn hóa của các nhóm DTTS sống khác nhau trong một khu vực nhất định.

- **Sự tham gia của cộng đồng và nâng cao nhận thức** - Tích cực thu hút sự tham gia của các cộng đồng DTTS vào quá trình tham vấn và quy trình lập kế hoạch và thực hiện thông qua các phương pháp tiếp cận có sự tham gia để đảm bảo tiếng nói của họ được lắng nghe và nhu cầu được giải quyết đầy đủ.
- **Nâng cao năng lực**- Cung cấp các chương trình tập huấn và phát triển kỹ năng để trao quyền cho các cá nhân làm việc với và trong cộng đồng DTTS nhằm đóng vai trò lãnh đạo và tham gia tích cực vào các hoạt động phát triển.
- **Hỗ trợ ngôn ngữ** - Kết hợp hỗ trợ ngôn ngữ để cho phép giao tiếp hiệu quả và tiếp cận thông tin cho các nhóm DTTS.
- **Cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại (FGRM):** Thiết lập một cơ chế giải quyết khiếu nại khả thi, theo đó người DTTS có thể trình bày về trường hợp của họ nếu họ có bất kỳ nghi ngờ hoặc khiếu nại nào về việc thực hiện các cuộc tham vấn và các hoạt động.
- **Giám sát và đánh giá** – Thiết lập cơ chế M&E để theo dõi tiến độ, đánh giá hiệu quả của các chương trình đã thực hiện.